

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**

**HUYỆN ĐỨC LINH**

**TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 47/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 06-5-2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Phước Hiệu

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lê Đức sơn

2. Ông Nguyễn Văn Thiện

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L , tỉnh B .

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L , tỉnh B tham gia phiên tòa:***  
Bà Nguyễn Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2021 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện L , tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 51/2021/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 3 năm 2021 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Hồng N , sinh năm 1994. Địa chỉ: 88/2 hẻm số 238, tổ 7, thôn 2A, xã Đ, huyện L , tỉnh B .

- Bị đơn: Anh Lê Viết A , sinh năm 1992. Địa chỉ: số 56 đường số 16, tổ 8, thôn 2B, xã Đ, huyện L , tỉnh B .

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ngày 09/3/2021, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Vũ Thị Hồng N trình bày:* Chị N và anh Lê Viết A tự nguyện kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện L, tỉnh B vào ngày 23/11/2016. Anh chị có 01 con chung tên Lê Nhã Hân, sinh ngày 02/12/2017. Quá trình chung sống, giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm sống giữa hai người không hợp nhau về mọi mặt, từ công việc đến ứng xử gia đình, bạn bè. Bên cạnh đó, anh A không chí thú làm ăn, vô tâm, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 06/2020 đến nay, mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị N xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh A nên kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

*Về con chung:* Khi ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh A phải cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 22/3/2021, chị N có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và xin xét xử vắng mặt.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/4/2021 có trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh Lê Viết A khai:* Thống nhất như trình bày của chị N về thời gian kết hôn, con chung. Anh A đồng ý ly hôn với chị N với lý do vợ chồng đã ly thân thời gian dài và hiện tại không thể về sống chung được nữa. Về con chung: anh A đồng ý giao con cho chị N nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ngoài nội dung trên, anh A không yêu cầu hay trình bày gì khác.

*Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L :* Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử; Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự; Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần hai. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt họ là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Xét thấy hôn nhân giữa chị N và anh A đã lâm vào tình trạng nghiêm trọng, hai người sống ly thân thời gian dài vẫn không thể hàn gắn

được tình cảm. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N , xử cho ly hôn và giao con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ. Do chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét trong vụ án này.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì TAND huyện L thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở đơn khởi kiện của nguyên đơn, TAND huyện L đã xác định quan hệ “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” là đúng pháp luật.

Về áp dụng án lệ: Sau khi rà soát các án lệ đã được Chánh án TANDTC công bố thì thấy rằng: nội dung tranh chấp của vụ án này không có những tình tiết, sự kiện tương tự đã được nêu trong án lệ nên Hội đồng xét xử không áp dụng án lệ mà căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Về việc xét xử vắng mặt: Xét thấy tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt. Trong đó nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, còn bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần hai. Căn cứ quy định tại khoản 1 và 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ là đúng quy định.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị N và anh A tự nguyện kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Căn cứ vào lời khai của các đương sự có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng cuộc sống hôn nhân giữa chị N và anh A đã thật sự không hạnh phúc. Hai người đã sống ly thân hơn nửa năm nay vẫn không hàn gắn được tình cảm. Do đó có căn cứ xác định anh chị không còn quan tâm lẫn nhau. Quá trình tham gia tố tụng, chị N xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh A , kiên quyết yêu cầu ly hôn và anh A đồng ý. Từ đó, có căn cứ xác định tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã thật sự rạn nứt, mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm

2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ pháp luật.

- Về con chung: Khi ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi và không yêu cầu anh A phải cấp dưỡng nuôi con. Anh A đồng ý giao con cho chị N nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 1.000.000 đồng. Tuy chị N không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con nhưng xét thấy để đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên về mọi mặt thì cần giao cháu Lê Nhã Hân cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Đồng thời ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh A và buộc anh A cấp dưỡng là phù hợp và đúng quy định pháp luật. Anh A có quyền và nghĩa vụ thăm nom con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét trong bản án này.

[3] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, buộc chị N phải chịu án phí ly hôn là đúng quy định; Do anh A tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Vũ Thị Hồng N .

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố Vũ Thị Hồng N ly hôn Lê Viết A .

2. Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị Hồng N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con: Lê Nhã Hân, sinh ngày 02/12/2017. Anh Lê Viết A phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 5/2021 cho đến khi cháu Lê Nhã Hân đủ 18 tuổi. Anh A có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án về số tiền mà anh A có nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng anh A còn phải chịu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Vũ Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số N<sub>o</sub> 0005239 ngày 09 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Chị N đã nộp đủ án phí sơ thẩm. Anh Lê Viết A không phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Chị N, anh A được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh B ;
- VKSND huyện L ;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- CC THADS huyện L ;
- Lưu HS, Án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Phước Hiệu**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN                      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**





